



shén jīng yuán

神经元

noun · neuron

Example Sentences

Shén jīng yuán shì shén jīng xì tǒng de jī běn dān wèi.
神经元是神经系统的基本单位。

Neurons are the basic units of the nervous system.

Dà nǎo zhōng yǒu shù shí yì gè shén jīng yuán.
大脑中有数十亿个神经元。

There are billions of neurons in the brain.

Trace each character, then write the word on your own.

神	神	神	神	神	神	神	神	神	神	神
神										
经	经	经	经	经	经	经	经	经	经	经
元	元	元	元	元	元	元				